

TỈNH NINH THUẬN

1. Thông tin chung

Ninh Thuận là một tỉnh ven biển thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ của Việt Nam. Toàn tỉnh có 7 đơn vị hành chính trực thuộc (1 thành phố và 6 huyện), với 65 đơn vị hành chính cấp xã (47 xã, 15 phường, 3 thị trấn). Tỉnh lỵ của Ninh Thuận là thành phố Phan Rang - Tháp Chàm nằm cách Thành phố Hồ Chí Minh 340 km về phía Nam, cách thủ đô Hà Nội 1.380 km về phía Bắc và cách Nha Trang 100 km theo đường Quốc lộ 1A và cách Đà Lạt 110 km theo đường Quốc lộ 27, đồng thời nằm cách sân bay Cam Ranh khoảng 60 km, thuận tiện cho việc giao lưu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Tọa độ địa lý của tỉnh từ 11°18'14" đến 12°09'15" vĩ độ Bắc, 108°09'08" đến 109°14'25" kinh độ Đông. Vị trí địa lý:

- Phía Bắc giáp tỉnh Khánh Hòa.
- Phía Nam giáp tỉnh Bình Thuận.
- Phía Tây giáp tỉnh Lâm Đồng.
- Phía Đông giáp Biển Đông.

Ninh Thuận là vùng đất cuối của dãy Trường Sơn với nhiều dãy núi đâm ra biển Đông, có địa hình thấp dần từ tây bắc xuống đông nam. Lãnh thổ tỉnh được bao bọc bởi 3 mặt núi với 3 dạng địa hình gồm núi, đồi gò bán sơn địa và đồng ven biển. Tỉnh có từ khí hậu nhiệt đới Xavan đến cận hoang mạc với đặc trưng khô nóng, gió nhiều, bốc hơi mạnh. Chính vì vậy thời tiết Ninh Thuận phân hóa thành 2 mùa rõ rệt gồm mùa mưa và mùa khô.

Về tiềm năng phát triển:

- Mạng lưới giao thông Ninh Thuận khá thuận lợi, nằm ở giao điểm 3 trục giao thông chiến lược là Quốc lộ 1 A, đường sắt Bắc Nam và quốc lộ 27 lên Nam Tây nguyên. Trong thời gian đến, tỉnh sẽ tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng, nhất là các tuyến đường giao thông kết nối để tận dụng khai thác lợi thế về hạ tầng cảng biển, sân bay của các tỉnh trong khu vực tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, mà trọng tâm là tuyến đường ven biển (dài 116Km), và tuyến đường cao tốc từ sân bay quốc tế Cam Ranh đến thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

- Cùng với đó, tỉnh nằm trong vùng du lịch trọng điểm của cả nước, lại có bờ biển dài 105km với nhiều bãi tắm đẹp và nổi tiếng như Ninh Chữ, Cà Ná, Bình Tiên, Vĩnh Hy, môi trường nước biển trong sạch, thời tiết nắng ấm quanh năm nên Ninh Thuận có tiềm năng lớn trong phát triển du lịch biển.

2. Dân số và lao động

➤ Ninh Thuận là một tỉnh nhỏ, kinh tế phát triển chưa mạnh nằm trong vùng duyên hải Nam Trung bộ Việt Nam. Dân số tính đến 31/12/2015 có 595.850 người. Trong đó, dân số thành thị là 215.748 người, chiếm 36,21%, dân số nông thôn là 380.102 người, chiếm 63,79%. Mật độ dân số của tỉnh đạt 177,6 người/km², cao nhất là thành phố Phan Rang – Tháp Chàm với tỷ lệ 2.175,8 người/km². Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên của tỉnh hàng năm là 11,70‰.

Trong những năm qua, Ninh Thuận là tỉnh đang trong quá trình phát triển kinh tế xã hội nhanh theo hướng công nghiệp dịch vụ thuộc vùng duyên hải Nam Trung bộ chính vì vậy tình hình phát triển dân số và lao động cũng được quan tâm chú trọng. Trong giai đoạn 2011 - 2015, tỷ suất sinh thô còn cao nhưng liên tục giảm dần chậm, từ 20,21‰ năm 2011 còn 18,65‰ năm 2015.

Số người trong độ tuổi lao động của tỉnh năm 2015 là 343.084 người (chiếm 57,58% dân số toàn tỉnh), đạt tốc độ tăng bình quân 2,53%/năm giai đoạn 2011 - 2015. Số lao động được tạo việc làm là 330.122 người, tỷ lệ lao động qua đào tạo chiếm 15%. Tỷ lệ thất nghiệp chỉ có 4,03%.

➤ Quy hoạch đến năm 2020, đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề cơ bản, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động cả về số lượng, chất lượng để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, theo đó:

- Tốc độ tăng dân số tự nhiên đến năm 2020 còn 1,12%, quy mô dân số trung bình đến năm 2020 đạt 640 nghìn người.

- Số lượng lao động được giải quyết việc làm mới 77 - 78 nghìn người, bình quân hàng năm giải quyết việc làm mới cho 15,5 nghìn lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2020 đạt 60%, trong đó đào tạo nghề đạt 45%;

3. Cơ cấu kinh tế tỉnh

➤ Giai đoạn từ 2011 - 2015, giá trị tổng sản phẩm (GRDP) toàn tỉnh (theo giá so sánh 2010) năm 2010 đạt 9.002,1 tỷ đồng, năm 2015 đạt 12.584,4 tỷ đồng (đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 8,74%/năm). Sự tăng trưởng kinh tế của tỉnh thể hiện ở cả 3 lĩnh vực trong sản xuất, trong đó khu vực công nghiệp và xây dựng có mức tăng trưởng cao nhất (bình quân 11,92%/năm), khu vực nông lâm nghiệp thủy sản có tốc độ tăng trưởng thấp nhất (tăng bình quân 3,22%/năm).

GDP bình quân đầu người trong tỉnh tăng khá nhanh. Năm 2011 đạt 17,9 triệu đồng, năm 2015 đạt 26,9 triệu đồng (tăng 9 triệu đồng so với năm 2011).

Với định hướng là trở thành điểm đến của Việt Nam trong tương lai, có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng nên sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp và dịch vụ và phù hợp với xu thế chung của cả nước, phát huy được lợi thế so sánh về vị trí địa lý và tiềm năng của tỉnh. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng công nghiệp và xây dựng; dịch vụ đồng thời giảm nông lâm nghiệp thủy sản. Năm 2011: nông lâm thủy sản đạt 40,1%, công nghiệp và xây dựng đạt 18,29%, dịch vụ và du lịch đạt 35,99%, thuế sản phẩm đạt 5,62%. Năm 2015 tỷ trọng tương ứng là: 32,55%; 20,53%; 38,86%; 8,06%.

Thu ngân sách năm 2015 trên toàn tỉnh là 3.126,3 tỷ đồng, chi ngân sách năm 2015 toàn tỉnh là 5.818,5 tỷ đồng. Cân đối thu chi ngân sách: năm 2015 âm 2.692,2 tỷ đồng.

➤ Định hướng phát triển giai đoạn 2016 - 2020:

- Tốc độ tăng tổng sản phẩm nội tỉnh (GRDP theo giá so sánh năm 2010) đạt 10 - 11%/năm, trong đó: giá trị gia tăng các ngành: nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 5 - 6%/năm; công nghiệp - xây dựng tăng 14 - 15%/năm; dịch vụ tăng 11 - 12%/năm; GRDP bình quân đầu người năm 2020 đạt 58 - 60 triệu đồng/người;

- Giá trị sản xuất các ngành: nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 6 - 7%/năm; công nghiệp - xây dựng tăng 15- 16%/năm; dịch vụ tăng 12 - 13%/năm;

- Cơ cấu kinh tế: công nghiệp - xây dựng chiếm 30 - 31%; nông, lâm, thủy sản chiếm 28 - 29%; dịch vụ chiếm 39 - 40% GRDP vào năm 2020;

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn đến năm 2020 đạt 2.800 - 3.000 tỷ đồng;

- Giá trị kim ngạch xuất khẩu năm 2020 là 150 triệu USD, tăng bình quân 14,9%/năm;

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 51 - 55 ngàn tỷ đồng.

4. Cơ cấu giá trị sản xuất nông lâm thủy sản

➤ Cơ cấu kinh tế nông nghiệp tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2011 - 2015 gần như không chuyển dịch nhiều, tăng nhẹ tỷ trọng ngành thủy sản và giảm nhẹ tỷ trọng khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp. Cụ thể, năm 2011 cơ cấu khu vực nông nghiệp theo ngành nông nghiệp - lâm nghiệp - thủy sản lần lượt là 53,85% - 0,48% - 45,67%. Năm 2015, cơ cấu ngành có sự thay đổi như sau: tỷ trọng ngành nông nghiệp của tỉnh giảm xuống 50,79%; tỷ trọng ngành thủy sản tăng lên chiếm 48,93% tổng giá trị sản xuất toàn ngành; ngành lâm nghiệp chiếm tỷ trọng nhỏ trong khu vực nông nghiệp (chiếm 0,27% tổng giá trị sản xuất khu vực nông nghiệp).

Ngành nông nghiệp hẹp có tốc độ tăng trưởng bình quân 1,81%/năm giai đoạn 2011 - 2015. Trong đó tăng chủ yếu ở lĩnh vực trồng trọt (tăng bình quân 3,06%/năm), dịch vụ tăng bình quân 0,18%/năm, chăn nuôi có tốc độ giảm bình quân 0,86%/năm. Ngành lâm nghiệp có tốc độ giảm bình quân 10,19%/năm, giảm chủ yếu ở lĩnh vực khác thác gỗ và lâm sản khác (bình quân giảm 12,41%/năm), trồng và chăm sóc rừng giảm bình quân 3,91%/năm, lĩnh vực dịch vụ lâm nghiệp chiếm tỷ trọng nhỏ (luôn đạt tỷ trọng 0,1% trong giai đoạn này), lĩnh vực thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác đạt tốc độ tăng trưởng 2,2%/năm. Ngành thủy sản đạt tốc độ tăng trưởng 5,11%/năm.

Cơ cấu giữa trồng trọt và chăn nuôi của tỉnh có sự chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng trồng trọt (từ 65,97% năm 2011 lên 69,26% năm 2015), giảm tỷ trọng lĩnh vực chăn nuôi (từ 30,17% năm 2011 xuống 27,12% năm 2015). Cơ cấu ngành dịch vụ ổn định, đạt 3,85% năm 2011 và đạt 3,61% năm 2015.

Cơ cấu ngành lâm nghiệp: tỷ trọng khai thác gỗ và lâm sản khác có xu hướng giảm (từ 79,44% năm 2011 xuống 71,86% năm 2015), tỷ trọng trồng và chăm sóc rừng có xu hướng tăng (từ 17,18% năm 2011 lên 22,51% năm 2015).

Trong nội bộ ngành thủy sản, cơ cấu ngành nghề chuyển dịch không nhiều. Tỷ trọng khai thác thủy sản từ tự nhiên có tăng nhẹ (từ 67,57% năm 2011 lên 68,67% năm 2015) và giảm nhẹ tỷ trọng nuôi trồng thủy sản (từ 32,43% năm 2011 xuống 31,33% năm 2015).

➤ Định hướng giai đoạn 2016 - 2020: Đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng sản phẩm, phát triển bền vững, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu. Phát triển sản xuất nông nghiệp, thủy sản theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và bền vững gắn với thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới và thực hiện các chính sách an sinh xã hội. Cụ thể:

Đến năm 2020: tốc độ tăng giá trị gia tăng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản cao hơn giai đoạn trước, đạt bình quân 6 - 7%/năm, tốc độ tăng giá trị sản xuất đạt 7 - 8%/năm. Từng bước ứng dụng công nghệ cao để chuyển dịch cơ cấu, phân đầu nông, lâm nghiệp chiếm 49% (trong nông nghiệp trồng trọt chiếm 68%, chăn nuôi 28,2%, dịch vụ 3,8%, lâm nghiệp 0,3%), thủy sản 51%.

5. Tình hình sử dụng đất nông nghiệp

➤ Năm 2015, tổng diện tích đất nông nghiệp của tỉnh là 279.303,63 ha chiếm 83,24% tổng diện tích toàn tỉnh. Trong đó:

- Đất sản xuất nông nghiệp là 83.736,27 ha chiếm 30% tổng diện tích đất nông nghiệp, bao gồm:

+ Diện tích đất trồng cây hàng năm là 70.814,44 ha, chiếm 84,6% diện tích đất sản xuất nông nghiệp với diện tích đất trồng lúa là 20.880,59 ha, chiếm 29,5% diện tích trồng cây hàng năm.

+ Diện tích đất trồng cây lâu năm có 12.921,83 ha, chiếm 15,4% diện tích đất sản xuất nông nghiệp.

- Đất lâm nghiệp có diện tích 189.117,48 ha, chiếm 67,7% tổng diện tích đất nông nghiệp, bao gồm:

+ Diện tích đất rừng sản xuất là 32.467,33 ha.

+ Diện tích đất rừng phòng hộ là 114.371,32 ha.

+ Diện tích đất rừng đặc dụng là 42.278,33 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản có 2.036,72 ha, chiếm 0,7% tổng diện tích đất nông nghiệp.

- Đất làm muối có 3.809,21 ha.

- Đất nông nghiệp khác có 603,95 ha.

➤ Theo quy hoạch sử dụng đất của tỉnh, đến năm 2020 diện tích đất nông nghiệp của tỉnh có 281.272 ha, tăng 2.423,4 ha so với năm 2015. Trong đó:

- Diện tích đất lúa sẽ giảm 2.247,6 ha còn 18.633 ha. Đất trồng cây lâu năm có 20.593 ha, tăng 7.671,2 ha.

- Diện tích đất lâm nghiệp đạt 197.910 ha, tăng 8.792,5 ha.

- Diện tích đất nuôi trồng thủy sản tăng 463,3 ha đạt 2.500 ha vào năm 2020.

- Diện tích đất làm muối tăng 90,8 ha, đạt 3.900 ha vào năm 2020.

6. Ngành trồng trọt

➤ Giai đoạn 2011 - 2015, cơ cấu giá trị sản xuất nhóm cây hàng năm chuyển dịch theo hướng giảm giá trị cây lương thực hàng năm (từ 54,8% năm 2011 xuống 44,8% năm 2015) và tăng giá trị sản xuất cây rau đậu (từ 13,9% năm 2011 lên 16,1% năm 2015), giá trị sản xuất cây công nghiệp hàng năm giảm (từ 5,8% năm 2011 xuống còn 4,5% năm 2015).

Cơ cấu giá trị sản xuất nhóm cây lâu năm: giá trị sản xuất cây ăn quả tăng từ 15,6% năm 2011 lên 25,9% năm 2015, giá trị sản xuất cây công nghiệp lâu năm ổn định và có tỷ trọng rất ít (đạt 1% năm 2011 và 0,9% năm 2015). Giá trị sản xuất/ha đất trồng trọt năm 2015 đạt 104,1 triệu đồng, tăng 32,2 triệu đồng so với năm 2011.

➤ Định hướng tới năm 2020, chuyển dịch cơ cấu theo hướng tăng tỷ trọng của cây ăn quả, cây công nghiệp và cây rau đậu; giảm tỷ trọng cây lương thực. Chú trọng phát triển các ngành hàng có lợi thế cạnh tranh cao và trung bình (nho, táo, tỏi, nha đam, măng tây, mía, sắn; giống lúa, ngô); nâng cao chất lượng, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, xây dựng thương hiệu, gắn kết với tiêu thụ và từng bước mở rộng thị trường cho xuất khẩu. Cụ thể:

- Đối với cây lúa: diện tích đất trồng lúa 18.633 ha, trong đó đất chuyên trồng lúa nước 15.900 ha, sản lượng khoảng 275 ngàn tấn.

- Đối với cây ngô: diện tích gieo trồng ngô đạt 25 ngàn ha, sản lượng đạt 100 ngàn tấn vào năm 2020.

- Đối với cây ăn quả: Phát triển diện tích nho, táo đạt quy mô 3.200 ha, sản lượng khoảng 50 ngàn tấn nho, 55 ngàn tấn táo.

- Đối với cây mía: Mở rộng diện tích trồng mía đạt 5.000 ha, sản lượng 300 ngàn tấn, đầu tư theo hướng thâm canh, cơ giới hóa, tưới tiết kiệm.

- Đối với cây sắn: Ổn định diện tích 2.500 -3.000 ha, sản lượng 60 ngàn tấn và sẽ chuyển đổi sang cây trồng khác có hiệu quả cao hơn.

- Các loại cây trồng khác: phát triển các cây trồng mới gắn ứng dụng công nghệ cao, có thị trường tiềm năng như cây măng tây đạt 500 ha, cây nha đam đạt 500 ha vào năm 2020.

Ngoài ra tỉnh còn có quy hoạch vùng chuyên canh và xây dựng chuỗi giá trị ngành hàng được phân bố như sau:

- Lúa tập trung ở các huyện Ninh Sơn, Ninh Phước, Ninh Hải; đến năm 2020, diện tích gieo trồng lúa cả năm đạt 48.500 ha;

- Ngô tập trung ở các huyện Ninh Sơn, Bác Ái, Ninh Phước, Thuận Bắc; đến 2020, diện tích gieo trồng ngô đạt 25.000 ha;

- Sản xuất giống cây trồng (lúa, ngô, ...) tập trung ở các huyện Ninh Phước, Ninh Hải, Ninh Sơn và thành phố Phan Rang - Tháp Chàm;

- Nho tập trung ở các huyện Ninh Phước (Phước Sơn, Phước Vinh, Phước Thuận), Ninh Hải, Ninh Sơn (xã Nhơn Sơn), thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Thuận Nam; đến năm 2020, diện tích trồng nho đạt 2.000ha;

- Táo tập trung ở huyện Ninh Phước (Phước Thuận, Phước Hậu, Phước Dân, An Hải); Ninh Hải (Xuân Hải, Vĩnh Hải, Nhơn Hải), Ninh Sơn (Nhơn Sơn), thành phố Phan Rang - Tháp Chàm (Đô Vinh, Văn Hải, Mỹ Hải, Thành Hải); đến năm 2020, diện tích trồng táo đạt 1.200 ha;

- Tỏi, hành tập trung ở các huyện Ninh Hải (Vĩnh Hải, Thanh Hải, Nhơn Hải), Ninh Phước (An Hải), Thuận Bắc và thành phố Phan Rang - Tháp Chàm (Văn Hải); đến năm 2020, diện tích gieo trồng tỏi, hành đạt 450 ha;

- Rau, đậu: đến năm 2020, diện tích gieo trồng rau, đậu các loại khoảng 11.000 ha; các vùng chuyên canh tập trung ở ven thành phố, thị trấn, vùng đất cát ven biển;

- Cây công nghiệp ngắn ngày: sắn, mía tập trung ở huyện Ninh Sơn, Bác Ái; đến năm 2020, diện tích trồng sắn đạt 2.500 - 3.000 ha; mía đạt 5.000 ha. Thuốc lá tập trung ở các huyện Ninh Sơn, Ninh Phước; đến 2020, diện tích trồng thuốc lá đạt 1.000 ha. Điều tập trung ở các huyện Thuận Bắc, Bác Ái, Ninh Sơn; đến 2020, diện tích trồng điều đạt 3.500 ha;

- Cây trồng mới: đến năm 2020, diện tích trồng cây mãng tây đạt 500 ha, tăng 324 ha so 2015, tập trung ở các huyện Ninh Phước (200 ha), Ninh Hải (100 ha), Ninh Sơn (50 ha), Thuận Bắc (50 ha), Thuận Nam (50 ha) và thành phố Phan Rang-Tháp Chàm (50 ha). Diện tích trồng cây nha đam đạt 500 ha, tập trung ở các huyện Ninh Phước (200 ha), thành phố Phan Rang-Tháp Chàm (200 ha), Ninh Hải (50 ha), Ninh Sơn (25 ha), Thuận Bắc (25 ha).

7. Ngành chăn nuôi

➤ Giai đoạn 2010 - 2015, cơ cấu giá trị sản xuất của nhóm gia súc tăng từ 45,14% năm 2011 lên 48,91% năm 2015. Cơ cấu giá trị sản xuất của nhóm gia cầm giảm từ 31,99% năm 2010 xuống 30,6% năm 2015. Ngoài ra, các loại hình chăn nuôi khác phát triển mạnh như phát triển đàn dê, cừu (tỷ trọng giá trị sản xuất đạt 22,9% năm 2011 và đạt 20,5% năm 2015). Tỉnh cũng là một trong những tỉnh đi đầu về chăn nuôi tập trung, liên kết sản xuất, chăn nuôi gia công.

Sản lượng thịt hơi các loại của tỉnh có xu thế giảm (giảm bình quân 2,09%/năm). Sản lượng thịt hơi năm 2015 đạt 19.546,8 tấn.

➤ Định hướng quy hoạch đến năm 2020: từng bước chuyển từ chăn nuôi quảng canh sang chăn nuôi tập trung, gắn với thu hút đầu tư của doanh nghiệp, hình thành các vùng chăn nuôi tập trung, chuyên canh, an toàn dịch bệnh, tổ chức chăn nuôi khép kín các khâu trong chuỗi giá trị từ cung ứng đầu vào đến sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Ưu tiên phát triển các con nuôi có lợi thế đến năm 2020 tổng đàn trâu, bò đạt 144.000 ngàn con, dê cừu đạt 255 ngàn con, phát triển đàn lợn theo hướng các trang trại công nghiệp đạt quy mô tổng đàn 110 ngàn con. Ổn định tổng đàn gia cầm theo hướng chăn nuôi công nghiệp đạt qui mô 2 triệu con; thu hút các dự án đầu tư chăn nuôi bò thịt cao sản, dê thịt, dê sữa qui mô lớn từ 20 - 30 ngàn con/trang trại tại các vùng tưới các hồ thủy lợi nội tỉnh. Cụ thể hình thành các vùng chăn nuôi tập trung, chuyên canh, có quy mô trung bình, hiện đại gắn với công nghiệp chế biến và tiêu thụ sản phẩm gồm:

- Trâu, bò: chăn nuôi trâu, bò tập trung ở các xã miền núi và vùng gò đồi thấp, xa các khu dân cư, xa khu công nghiệp thuộc 5 huyện Thuận Bắc, Bác Ái, Ninh Phước, Thuận Nam và Ninh Sơn; trong đó, vùng liên kết chăn nuôi giết mổ tập trung ưu tiên đầu tư tại các huyện Ninh Phước và Ninh Sơn; đến 2020, tổng đàn trâu, bò đạt 144.000 con; trong đó trâu 4.000 con; bò 140.000 con;

- Dê, cừu: chăn nuôi dê ở vùng miền núi, vùng đò gò thấp thuộc các huyện Thuận Nam (Cà Ná, Phước Diêm), Ninh Sơn (Mỹ Sơn, Hòa Sơn); chăn nuôi cừu ở các vùng đồng bằng và đồi gò tiếp giáp vùng đồng bằng, tại các huyện Ninh Phước (Phước Hữu), Thuận Nam (Văn Lâm), Ninh Hải (Xuân Hải), Ninh Sơn (Mỹ Sơn), Bác Ái (Phước Trung). Vùng chuyên canh liên kết chăn nuôi giết mổ dê, cừu tập trung ưu tiên đầu tư tại Ninh Phước và Thuận Nam. Đến 2020, tổng đàn dê, cừu đạt 255.000 con; trong đó, dê 100.000 con, cừu 155.000 con;

- Đàn lợn: chăn nuôi ở các huyện Ninh Phước, Bác Ái, Ninh Sơn, Thuận Bắc; đến 2020, tổng đàn lợn đạt 115.000 con;

- Gia cầm: chăn nuôi gia cầm tập trung ở các huyện Ninh Phước, Thuận Nam, Ninh Hải; đến 2020, tổng đàn gia cầm đạt 2.100.000 con.

8. Ngành thủy sản

➤ Ninh Thuận là tỉnh có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển kinh tế thủy sản. Năm 2015, diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 1.154 ha, tăng 32 ha so với năm 2011. Sản lượng nuôi trồng đạt 10,11 nghìn tấn, kém 639 tấn so với năm 2011 (tốc độ giảm bình quân là 1,52%/năm).

Năm 2015, sản lượng thủy sản khai thác đạt 75,57 nghìn tấn, chiếm tỷ trọng 88,2% tổng sản lượng thủy sản, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 7,74%/năm.

Tính chung năm 2015, sản lượng thủy sản đạt 85,69 nghìn tấn, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 6,41%/năm.

➤ Định hướng quy hoạch đến năm 2020: định hướng chuyển dịch cơ cấu theo hướng tăng tỷ trọng của sản xuất giống, khai thác hải sản xa bờ. Cụ thể:

- Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng đầu tư thâm canh tăng năng suất, tăng hiệu quả, đảm bảo vệ sinh an toàn và cân bằng sinh thái môi trường; mở rộng nuôi trồng trên biển. Diện tích nuôi đạt 2.350 ha, sản lượng nuôi 18 - 20 ngàn tấn vào 2020; trong đó tôm trên 1.000 ha, sản lượng tôm nuôi là 12 ngàn tấn. Quy hoạch lại và đầu tư cơ sở hạ tầng vùng sản xuất giống; khuyến khích các cơ sở sản xuất nhỏ liên kết hình thành các tập đoàn đầu tư công nghệ hiện đại, giữ vững vị thế là trung tâm giống chất lượng cao của cả nước, sản lượng đạt 36 tỷ con vào 2020. Tiếp tục quy hoạch lại và đầu tư hoàn thiện hạ tầng các vùng sản xuất giống tập trung và vùng nuôi thủy sản thương phẩm An Hải, Sơn Hải.

- Đẩy mạnh khai thác xa bờ, chuyển đổi cơ cấu sang các nghề lưới vây, nghề câu, nghề chụp, lưới rê để khai thác các sản phẩm vùng khơi có giá trị kinh tế cao, gắn với bảo vệ an ninh - quốc phòng. Đến 2020, tổng số tàu thuyền khoảng 2.900 chiếc, có tổng công suất 380 ngàn CV, khai thác đạt 75 - 80 ngàn tấn hải sản/năm; đầu tư các cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh trú bão theo quy hoạch được Chính phủ phê duyệt: Đông Hải, Ninh Chữ, Cà Ná, các bến cá Mỹ Tân, Sơn Hải để phát triển khai thác đánh bắt xa bờ theo hướng đầu tư đồng bộ hạ tầng, dịch vụ đóng sửa chữa tàu thuyền, phát triển dịch vụ cung cấp nguyên vật liệu và tiêu thụ sản phẩm.

9. Ngành lâm nghiệp

➤ Giai đoạn 2011 - 2015, giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp (theo giá so sánh 2010) giảm bình quân 10,19%/năm. Trong đó, giá trị sản xuất lĩnh vực khai thác gỗ và lâm sản khác giảm bình quân 12,41%/năm; lĩnh vực trồng và chăm sóc rừng giảm bình quân 3,91%/năm; lĩnh vực thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác tăng trưởng bình quân 2,2%; lĩnh vực dịch vụ lâm nghiệp không tăng trưởng.

Chuyển dịch cơ cấu ngành lâm nghiệp trong giai đoạn 2011 - 2015 diễn ra theo hướng giảm tỷ trọng của khai thác gỗ và lâm sản khác, tăng tỷ trọng của trồng và chăm sóc rừng; thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác; giữ nguyên dịch vụ lâm nghiệp. Đóng góp của của khai thác gỗ và lâm sản khác trong giá trị sản xuất của ngành lâm nghiệp (theo giá so sánh) đã giảm từ 79,44% năm 2011 xuống 71,86% năm 2015; trồng và chăm sóc rừng giảm đạt 17,18% năm 2011 và đạt 22,51% năm 2015. Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác tăng từ 3,1% lên 5,19%; dịch vụ lâm nghiệp vẫn giữ nguyên 0,1%.

Diện tích đất lâm nghiệp có rừng tỉnh Ninh Thuận năm 2015 đạt 189.117,48 ha (rừng sản xuất đạt 32.467,33 ha, rừng phòng hộ đạt 114.371,32 ha, rừng đặc dụng 42.278,83 ha), trong đó diện tích rừng hiện có đạt 152.336 ha (rừng tự nhiên đạt 142.667 ha, rừng trồng đạt 9.669 ha). Sản lượng khai thác năm 2015 để lấy gỗ là 1.424 m³, để lấy củi là 33,85 nghìn ste.

➤ Định hướng quy hoạch đến năm 2020:

- Thiết lập, quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững 202.484 ha rừng và đất rừng vào năm 2020; trong đó rừng đặc dụng 41.811 ha, rừng phòng hộ 116.462 ha, rừng sản xuất 39.611 ha và rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng 4.600 ha gắn với việc tổ chức lại các đơn vị lâm nghiệp do Nhà nước thành lập;

- Chuyển dịch cơ cấu theo hướng tăng tỷ trọng trồng và chăm sóc rừng, dịch vụ lâm nghiệp; phấn đấu nâng độ che phủ rừng đạt 50% vào năm 2020 bằng nhiều giải pháp như khoanh nuôi tái sinh, bảo vệ và trồng rừng phòng hộ, rừng sản xuất;

- Bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng tại hai Vườn quốc gia gắn với phát triển du lịch sinh thái, bảo vệ và phát triển các giá trị văn hóa, lịch sử. Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng tại các khu vực xung yếu ven biển, các khu rừng đầu nguồn các hồ, đập thủy lợi với các loại cây trồng bản địa và cây đã thích nghi như cây neem, cây trôm. Phát triển rừng sản xuất theo hình thức Nhà nước hỗ trợ một phần với các đối tượng cây trồng mới ứng dụng công nghệ mô, hom cho năng suất cao gắn với phát triển chăn nuôi dưới tán rừng, phát triển theo mô hình nông, lâm kết hợp để hạn chế tác động tiêu cực của hạn hán.

- Trong giai đoạn 2016 - 2020, tổng diện tích rừng trồng mới tập trung đạt 7.586 ha, bảo vệ rừng đạt 195.000 ha, khoanh nuôi rừng tái sinh đạt 17.000 ha.

10. Ngành sản xuất muối

➤ Ninh Thuận dẫn đầu cả nước về diện tích và sản lượng muối, chiếm 20% tổng diện tích sản xuất muối cả nước và 34% tổng sản lượng muối cả nước. Đường bờ biển dài 105 km với khí hậu khô, nóng, gió nhiều, bốc hơi mạnh là điều kiện lý tưởng cho sản xuất muối. Năng suất muối bình quân chung của Ninh Thuận cao hơn 1,7 lần so với cả nước (168 tấn/ha so với 99 tấn/ha).

Tổng diện tích và sản lượng muối của tỉnh Ninh Thuận năm 2015 đạt lần lượt 3.028 ha và 509.092 tấn. Các vùng sản xuất muối của Ninh Thuận tập trung tại thôn Quán Thẻ (xã Phước Minh, huyện Thuận Nam) với trên 2.500 ha; các xã Tri Hải với trên 700 ha, xã Nhơn Hải gần 300 ha, xã Phương Hải 92 ha, xã Khánh Hải 32 ha (huyện Ninh Hải). Cơ cấu ngành chủ yếu là muối sản xuất công nghiệp, chiếm 61,1% sản lượng và 80% diện tích sản xuất của cả tỉnh.

➤ Quy hoạch ngành muối giai đoạn 2016 - 2020:

- Sản xuất muối công nghiệp đến 2020 ổn định diện tích 3.460 ha, sản lượng khoảng 450 ngàn tấn.

- Ổn định vùng sản xuất muối diêm dân, muối thực phẩm sạch phát triển tập trung tại huyện Ninh Hải 480 ha; xây dựng chuỗi ngành hàng theo hướng tăng cường liên kết giữa hộ sản xuất với các doanh nghiệp sản xuất, chế biến muối và thị trường thông qua tổ hợp tác/hợp tác xã.

- Quy hoạch phát triển sản xuất muối tập trung tại hai vùng chuyên canh sản xuất và chế biến muối tại huyện Thuận Nam (Phước Diêm, Phước Minh) và huyện Ninh Hải (Khánh Hải, Tri Hải, Nhơn Hải và Phương Hải);

+ Vùng sản xuất muối công nghiệp, diện tích muối công nghiệp chất lượng cao tập trung tại huyện Thuận Nam 2.150 ha, trong đó xã Phước Minh là 2.125 ha; huyện Ninh Hải 1.310 ha, trong đó xã Tri Hải là 995 ha.

+ Vùng sản xuất muối diêm dân, muối thực phẩm sạch nhiều vi lượng phát triển tập trung tại huyện Ninh Hải 480 ha.

11. Ngành thủy lợi

➤ Hệ thống thủy lợi của tỉnh Ninh Thuận bao gồm có các công trình hồ chứa, công trình tưới bằng đập dâng và công trình tưới bằng trạm bơm:

- Các công trình hồ chứa: trên địa bàn tỉnh có hơn 21 hồ chứa đã hoàn thành đưa vào sử dụng với tổng dung tích hồ là 215,81 triệu m³, góp phần nâng tổng số diện tích được chủ động tưới toàn tỉnh đạt 34.791 ha, đạt tỷ lệ 49,7%;

- Các công trình tưới có sử dụng lượng nước xả của nhà máy thủy điện Đa Nhim: tổng lượng nước xả của nhà máy thủy điện Đa Nhim xuống sông Ông với tần suất xả 75% là 471 triệu m³. Hệ thống thủy lợi đập dâng 19-5 có năng lực tưới thiết kế là 350 ha, phục vụ tưới cho 300 ha thuộc xã Lâm Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận. Hệ thống thủy lợi Krông Pha có năng lực tưới thiết kế cho 3.200 ha, diện tích tưới thực tế của hệ thống này là 2.528 ha, trong đó tưới lúa là 1.576 ha, tưới màu các loại là 952 ha. Hệ thống đập Nha Trinh Lâm Cẩm có năng lực tưới thiết kế là 12.800 ha, tổng diện tích tưới của hệ thống Nha Trinh - Lâm Cẩm là 11.570 ha đạt 90% diện tích thiết kế; trong đó tưới lúa là 8.070 ha, tưới màu là 3.187 ha và cấp nước phục vụ nuôi trồng thủy sản là 313 ha;

- Các công trình tưới bằng đập dâng: trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận còn có 57 đập dâng xây dựng trên các nhánh sông suối nhỏ cấp nước tưới cho 1.334 ha.

Ngoài ra, trên hệ thống Nha Trinh - Lâm Cẩm còn có các công trình cấp nước sinh hoạt cho nhân dân như nhà máy nước Phan Rang - Tháp Chàm cấp cho thành phố Phan Rang - Tháp Chàm và thị trấn Khánh Hải thuộc huyện Ninh Hải công suất 52.000 m³/ngày; nhà máy nước Phước Nam công suất 10.000 m³/ngày cấp cho các xã Phước Nam, Phước Ninh, Phước Minh, Phước Diêm và Cà Ná thuộc huyện Thuận Nam. Tổng diện tích tưới theo thiết kế của các công trình đập dâng này (không bao gồm các hệ thống 19/5, Krông Pha, và Nha Trinh - Lâm Cẩm) là 7.705 ha, trong đó diện tích tưới thực tế là 6.338 ha;

- Các công trình tưới bằng trạm bơm: Đến nay số trạm bơm lấy nước từ kênh là 9 trạm với diện tích tưới thiết kế là 1.257 ha, diện tích thực tưới đạt 1.207 ha.

Giai đoạn 2011-2015, tỉnh đã ưu tiên các nguồn vốn đầu tư hoàn thành 8 công trình thủy lợi quy mô lớn như hồ Lanh Ra, hồ Sông Biêu, hồ Bà Râu, 5 hồ chứa thuộc hệ thống thủy lợi nhỏ và vừa với tổng dung tích 66,5 triệu m³; nâng tổng dung tích các hồ chứa đến nay đạt 215,8 triệu m³. Đầu tư đồng bộ 200 km kênh mương cấp I, II và III để phát huy hiệu quả các hồ đập sau đầu tư; tăng thêm diện tích tưới 5.579 ha, nâng tổng số diện tích được chủ động tưới toàn tỉnh đạt 34.791 ha, tương đương tỷ lệ 49,7%. Đầu tư trên 294 tỷ đồng triển khai 15 công trình giảm nhẹ thiên tai; 23 km đê, kè chống sạt lở ở vùng xung yếu, ven biển, ven sông, đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản cho nhân dân trong mùa mưa bão.

➤ Quy hoạch giai đoạn 2016 - 2020:

- Giai đoạn 2016 - 2020, tập trung hoàn thành hồ sông Than, hồ sông Cái và đập Tân Mỹ, đập hạ lưu sông Dinh; đầu tư các hệ thống kênh mương cấp 2, cấp 3

tại các khu vực tưới hồ chứa đang và sẽ xây dựng đưa năng lực tưới đạt 60% diện tích đất nông nghiệp.

- Liên thông các hồ chứa bằng đường ống để đưa vào quy hoạch xây dựng trong giai đoạn đến năm 2020 và đến năm 2030, đó là: Kết nối liên thông đưa nước từ hồ Sông Cái - Đập Tân Mỹ về các khu vực phía Bắc tỉnh như hồ Thành Sơn, Bà Râu, Sông Trâu, Ông Kinh; kết nối liên thông lưu vực hồ Cho Mo với lưu vực suối Ngang hồ Phước Trung; kết nối liên thông hồ Tân Giang về hồ Sông Biêu và hồ Suối Lớn; kết nối liên thông hồ Sông Than về hồ Lanh Ra, Tà Ranh, Bàu Zôn, Suối Lớn, CK7.

- Quy hoạch, xây dựng các tuyến công trình liên thông hệ thống tưới như kết nối hệ thống tưới Tân Mỹ với các hệ thống tưới phía Bắc tỉnh, kết nối hệ thống tưới hồ Sông Than với hệ thống tưới các tiểu vùng lưu vực sông Quao và sông Lu.

12. Ngành nghề nông thôn và cơ sở hạ tầng nông nghiệp

❖ Ngành nghề nông thôn

➤ Giai đoạn 2010 - 2015: Toàn tỉnh có ba làng nghề truyền thống được công nhận gồm: nghề gốm Bàu Trúc, dệt thổ cẩm Mỹ Nghiệp, dệt thổ cẩm Chung Mỹ (huyện Ninh Phước) và hàng chục làng có các nghề tiểu thủ công nghiệp khác như: đan lát, nghề cá hấp, làm nước mắm, làm chiếu, sản xuất dừa gỗ, làm đồ trang sức từ hạt cây rừng... tạo việc làm cho trên 12.500 lao động.

Toàn tỉnh có trên 5.600 cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp có quy mô hộ gia đình; sản phẩm chủ yếu xuất bán trong tỉnh và các tỉnh lân cận.

Giai đoạn 2010 - 2015, Ninh Thuận đã dành hơn 37,8 tỷ đồng xây dựng nhà trưng bày, công làng nghề, đường giao thông, cầu cống; hỗ trợ hơn 870 hộ vay vốn ưu đãi ngân hàng với trên 22,5 tỷ đồng.

Từ nguồn vốn các chương trình khuyến công, bình quân mỗi năm tỉnh dành 100 triệu đến 150 triệu đồng xây dựng các mô hình trình diễn kỹ thuật, mở các lớp đào tạo nghề, xây dựng website làng nghề, hỗ trợ các cơ sở tham gia 4 đến 5 hội chợ để giới thiệu, quảng bá sản phẩm làng nghề tại các tỉnh, thành phố.

Tỉnh đã mở các tuyến du lịch văn hóa đặc trưng gắn kết giữa các địa điểm du lịch làng nghề dệt thổ cẩm Mỹ Nghiệp, gốm Bàu Trúc Chăm, Tháp Po Klong Garai, vườn nho Thái An, vịnh Vĩnh Hy, hang Rái để thu hút khách du lịch.

➤ Giai đoạn 2015 - 2020:

Phát triển ngành nghề và làng nghề nhằm khai thác tốt các tiềm năng lợi thế của địa phương, nhất là làng nghề và nghề truyền thống, chú trọng phát triển các ngành nghề TTCN và làng nghề góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp; tạo việc làm ổn định, tăng nguồn thu nhập cho lao động nông thôn; góp phần xoá đói, giảm nghèo, từng bước nâng cao mức sống nông thôn, giảm dần sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn;

- Phát triển ngành nghề TTCN và làng nghề theo hướng sản xuất hàng hoá lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao; kết hợp du lịch làng nghề và sinh hoạt văn hoá - dân tộc, bảo tồn các lễ hội truyền thống, bản sắc văn hoá dân tộc để từng bước phát triển làng nghề gắn với phát triển du lịch trên cơ sở nâng cấp cải tạo hạ tầng kỹ thuật để vừa phục vụ phát triển sản xuất vừa tạo điều kiện thu hút du khách tham quan và tiếp cận sản phẩm làng nghề;

- Đến năm 2020, hỗ trợ xây dựng hình thành, phát triển từ 3 - 5 làng nghề và xây dựng từ 2 - 3 thương hiệu sản phẩm đặc thù;

- Phần đầu giai đoạn 2015 - 2020, giá trị sản xuất khu vực tiểu thủ công nghiệp và làng nghề đạt tốc độ tăng trưởng bình quân từ 16 - 18%; về giá trị, phần đầu đến năm 2020 đạt 1.400 tỷ đồng; tạo thêm việc làm mới cho khoảng 12.000 lao động, nâng tổng số lao động khu vực ngành nghề TTCN và làng nghề lên 25.000 lao động vào năm 2020. Nâng mức thu nhập bình quân đạt 2,8 - 3 triệu đồng/người/tháng.

❖ Cơ sở hạ tầng nông nghiệp:

➤ Giai đoạn 2010 - 2015:

- Mạng lưới giao thông: Mạng lưới giao thông Ninh Thuận khá thuận lợi, có quốc lộ 1A chạy qua, quốc lộ 27A lên Đà Lạt và Nam Tây Nguyên, quốc lộ 27B chạy qua địa phận huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận đến thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, đường sắt Bắc Nam và 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã.

- Hệ thống cảng biển: gồm có 3 cảng cá: Đông Hải với cầu tàu dài 265m, Cà Ná dài 200 m, cảng Ninh Chữ với cầu tàu dài 120 m và Bến cá Mỹ Tân, là nơi trú đậu cho 2.000 tàu thuyền đánh cá trong tỉnh và các tỉnh vào trú bão an toàn, có khả năng tiếp nhận tàu có qui mô công suất đến 500CV. Cảng hàng hóa Dốc Hàm - Cà Ná là một trong cảng biển miền Trung được quy hoạch phát triển thành cảng nước sâu, qui mô công suất hàng hóa qua cảng 15 triệu tấn/năm.

- Thủy lợi: Toàn tỉnh đến nay có 12 hồ chứa với dung tích chứa 137 triệu m³ và 76 đập dâng có khả năng tưới cho 35.150 ha, đảm bảo nước tưới cho hơn 42% đất nông nghiệp. Tỉnh đã tập trung triển khai nhiều công trình thủy lợi lớn như hồ Tân Mỹ, sông Than, sông Biêu với tổng trữ lượng khoảng 350 triệu m³ nước đáp ứng nhu cầu nước cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp và công nghiệp.

- Cấp nước: có 4 hệ thống công trình cấp nước tập trung có qui mô lớn tổng quy mô trên 80 ngàn m³/ngày đêm gồm Nhà máy nước Phan Rang - Tháp Chàm quy mô 52.000m³/ngày đêm, nhà máy nước Cà Ná - Phước Nam qui mô 30.000m³/ngày - đêm, Nhà máy nước Tân Sơn quy mô 1.000m³/ngày, Nhà máy nước Phước Dân quy mô 1.000m³/ngày, cung cấp cho thị trấn Phước Dân, huyện Ninh Phước. Hơn 60 hệ thống cấp nước từ nguồn nước mặt hoặc nước ngầm với quy mô từ 50-500m³/ngày và các công trình nước tự chảy phục vụ cho khoảng 148 nghìn người; Hiện nay tỷ lệ dân cư thành thị được dùng nước sạch khoảng 90% và nông thôn đạt 79%.

- Cấp điện: Tỉnh Ninh Thuận được cấp điện từ lưới điện quốc gia 220KV, 110KV với nguồn cấp trực tiếp là nhà máy thủy điện Đa Nhim công suất 160 MW. Ngoài ra còn được sự hỗ trợ của các nguồn điện tại chỗ là thủy điện Sông Pha công suất 7,5MW (5x1,5MW), nhà máy thủy điện Sông Ông công suất 8,1 MW (3x2,7MW).

Hệ thống lưới điện quốc gia đã được đầu tư đến 100% số xã, phường, thị trấn đáp ứng nhu cầu điện cho sản xuất và cung cấp điện cho hơn 95% số hộ trong tỉnh.

➤ Giai đoạn 2015 - 2020:

- Hạ tầng giao thông:

Đường bộ: Ưu tiên đầu tư xây dựng các trục giao thông kết nối 2 hành lang quốc lộ 1A và tuyến đường ven biển, trục ngang quốc lộ 27 kết nối với tỉnh Lâm Đồng và các tỉnh Tây Nguyên, cầu Đông Hải - Phú Thọ (cầu An Đông). Nâng cấp các tuyến quốc lộ: 1A, 27A, 27B, tuyến đường ven biển (Bình Tiên - Cà Ná), đường 703 nối quốc lộ 1A đến đường Yên Ninh và Hải Thượng Lãn Ông, đường Kiên Kiên đến Cảng hàng hóa Ninh Chữ, đường Văn Lâm - Sơn Hải. Xây dựng

đường vành đai thành phố Phan Rang - Tháp Chàm gắn kết với quốc lộ 27 và các tuyến đường qua các huyện: Ninh Hải, Thuận Bắc, Bác Ái, Ninh Sơn, Ninh Phước, khu vực Tân Bắc sân bay Thành Sơn đến Khu công nghiệp Du Long và khu vực các xã: Phước Thái, Phước Vinh (Ninh Phước), Ma Nới (Ninh Sơn). Hoàn thiện hệ thống giao thông nông thôn, miền núi và đường giao thông đến các vùng nguyên liệu; nâng cấp các tuyến đường huyện đạt tiêu chuẩn đường cấp VI và cấp V đồng bằng;

Đường biển: Phát triển cảng biển Dốc Hàm, quy mô hàng hóa qua cảng 15 triệu tấn/năm; cảng hàng hóa Ninh Chữ tiếp nhận được tàu thuyền trọng tải 10.000 tấn; các cảng chuyên dụng phục vụ du lịch gồm: Bình Tiên - Vĩnh Hy, Bình Sơn - Ninh Chữ để tiếp nhận các tàu du lịch trong nước; nâng cấp và mở rộng các cảng cá: Cà Ná, Đông Hải và Ninh Chữ làm nơi tránh trú bão cho tàu thuyền, quy mô mỗi cảng từ 500 - 1.000 chiếc và có khả năng tiếp nhận tàu có công suất từ 500 - 1.000 CV.

- Thủy lợi: Tập trung đầu tư các công trình thủy lợi để tăng năng lực tưới khoảng 56% vào năm 2020. Đầu tư kiên cố hệ thống kênh mương, trong đó tập trung đầu tư kênh cấp I thuộc các hệ thống Nha Trinh - Lâm Cẩm, Tân Giang và hệ thống kênh mương cấp II, III để phát huy hiệu quả các hồ chứa nước đã đầu tư;

Hệ thống cấp nước và thoát nước: Mở rộng và nâng cấp mạng lưới cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải thành phố Phan Rang - Tháp Chàm và các đô thị trong tỉnh; đầu tư hệ thống cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải cho các khu công nghiệp và các Nhà máy điện hạt nhân;

- Cấp điện:

Nâng cấp và phát triển mạng lưới điện trên địa bàn tỉnh, bảo đảm 100% số hộ gia đình được sử dụng điện lưới quốc gia, đáp ứng 100% nhu cầu về điện sản xuất phù hợp với quy mô sản xuất ở các khu, cụm công nghiệp;

Xây dựng trạm điện hạt nhân số 1 và số 2 (Trạm 500 KVA); phát triển lưới điện đấu nối các nguồn điện hạt nhân, nhiệt điện và điện gió nối với hệ thống điện quốc gia và mạng lưới cấp điện cho các phụ tải trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; nâng cấp hệ thống lưới điện 15 KV (hiện có) lên 22 KV và từng bước thay thế đường dây nối 22 KV ở khu vực trung tâm các đô thị bằng cáp ngầm 22 KV;

13. Tình hình phát triển nông thôn

➤ Giai đoạn 2010-2015, tỉnh đã huy động từ nguồn vay tín dụng của Nhà nước, nguồn vận động của các doanh nghiệp, đóng góp từ cộng đồng dân cư để đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất kinh doanh, cải tạo nhà ở, vệ sinh môi trường với tổng kinh phí hơn 5.115 tỷ đồng. Sau gần 5 năm thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, bộ mặt nông thôn ở tỉnh Ninh Thuận được đổi mới, cơ sở hạ tầng thiết yếu được nâng cấp, hệ thống chính trị cơ sở tiếp tục được củng cố, thu nhập, điều kiện sống của nhân dân được nâng cao, số hộ nghèo giảm đáng kể. Đến năm 2015 Ninh Thuận có 11 xã đạt chuẩn 19 tiêu chí nông thôn mới, chiếm 24,4% tổng số xã cao hơn mức bình quân của cả nước là 17% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; số tiêu chí nông thôn mới bình quân mỗi xã đạt được là 12,4 tiêu chí. Đã đầu tư cứng hóa hơn 116,7km đường liên thôn, 8 km kênh mương cấp 2,3 ở 11 xã điểm.

➤ Đến năm 2020, toàn tỉnh có 50% số xã và 1 - 2 huyện đạt tiêu chí nông thôn mới. Cùng với đó là tất cả nhà văn hoá thôn đảm bảo đủ điều kiện hoạt động; 100% trung tâm văn hoá - thể thao đủ điều kiện hoạt động; phấn đấu đến năm 2020: có 50% số trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia, 20% số trường mầm non đạt chuẩn quốc gia; tỷ lệ hộ nghèo nông thôn giảm 2%/năm; xây dựng nghĩa trang tại 100% xã; xây dựng hệ thống thoát nước thải tại trung tâm xã và cụm dân cư với 95% số hộ gia đình nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh; 100% dân số đô thị được dùng nước sạch; 90% chất thải y tế, rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp không nguy hại, chất thải nguy hại được thu gom và xử lý; trên 90% cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường; 85% khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường. Ngoài ra, tỉnh đảm bảo tỷ lệ rác thải được thu gom, xử lý đạt 95%.

Trong thời gian tới nhiều chương trình sẽ được tỉnh triển khai nhằm hướng đến mục tiêu xây dựng NTM Ninh Thuận tiên tiến, hiện đại. Tỉnh sẽ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đảm bảo các tiêu chí đồng bộ, hiện đại và tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp chế biến, dịch vụ. Môi trường sống tại khu vực nông thôn được bảo vệ, an ninh trật tự được giữ vững và đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao.

14. Trang đầu tư nông nghiệp và xuất khẩu nông sản

➤ Năm 2015, tổng vốn đầu tư theo giá so sánh thực hiện cho các ngành kinh tế là 4.696,7 tỷ đồng, giảm 320,8 tỷ đồng so với năm 2011, trong đó đầu tư cho ngành nông lâm nghiệp thủy sản chỉ là 522,3 triệu đồng (chiếm 11,12% tổng vốn đầu tư toàn tỉnh).

➤ Giai đoạn 2016 - 2020, Ninh Thuận Tập trung huy động các nguồn lực đầu tư hiệu quả các công trình hạ tầng xã hội và dịch vụ nâng cao chất lượng cuộc sống người dân; trong đó, ưu tiên đầu tư nâng cấp các công trình cấp nước sạch, thiết chế văn hóa - thể thao cơ sở phục vụ nhân dân. Cùng với đó là phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào các ngành nghề chủ lực, mũi nhọn của tỉnh.

Dự kiến tổng vốn đầu tư toàn xã hội để thực hiện các mục tiêu của đề án cho khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản và nghề muối theo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016 - 2020 là 12.098 tỷ đồng..

➤ Giá trị hàng hóa và dịch vụ xuất khẩu trên địa bàn năm 2015 của tỉnh đạt 55,89 triệu USD, trong đó giá trị xuất khẩu hàng nông sản đạt 26,31 triệu USD, hàng thủy sản đạt 28,71 triệu USD. Các nông sản xuất khẩu chủ yếu là: hàng thủy sản 28,71 triệu USD, nhân hạt điều 26,31 triệu USD, hàng mây tre, cói 0,29 triệu USD, hàng dệt may 0,59 triệu USD.